

Chúng ta biết gì về chăn nuôi lợn và các cơ chế (thức ăn) để cải thiện chăn nuôi lợn bản địa và lợn lai, và chúng ta cần biết thêm gì nữa?

Nga Nguyễn

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Hội thảo tham vấn:

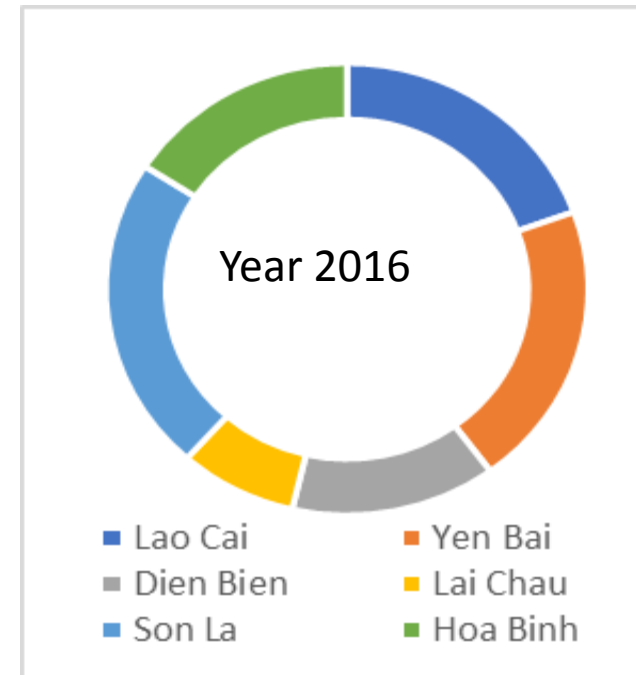
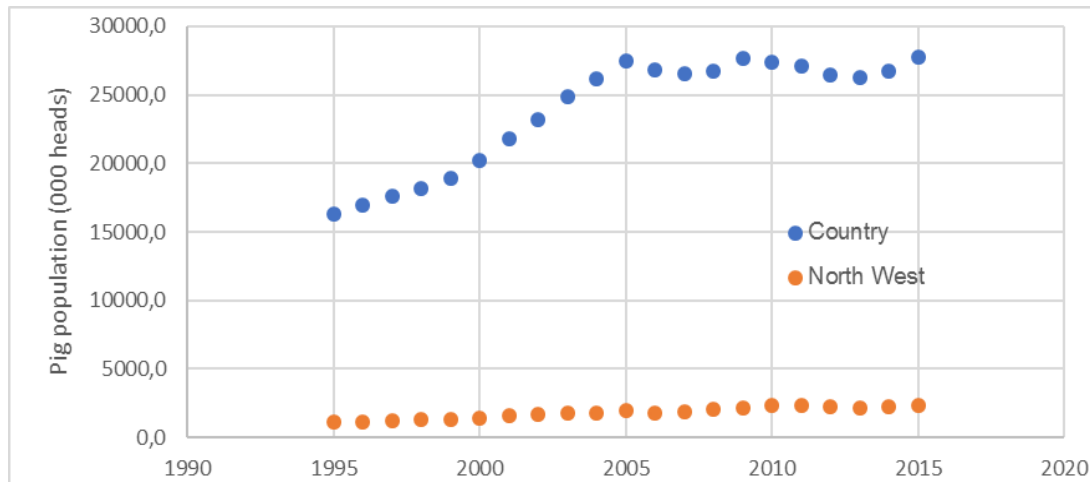
Đánh giá năng lực cạnh tranh của các hộ chăn nuôi lợn quy mô nông hộ nhỏ trong bối cảnh có nhiều chuyển biến ở khu vực miền núi Tây Bắc

Hà Nội, 30/05/2017



Hệ thống chăn nuôi lợn vùng Tây Bắc Việt Nam

Tây Bắc chiếm 8.4% tổng đàn lợn của cả nước với tốc độ tăng ổn định hơn



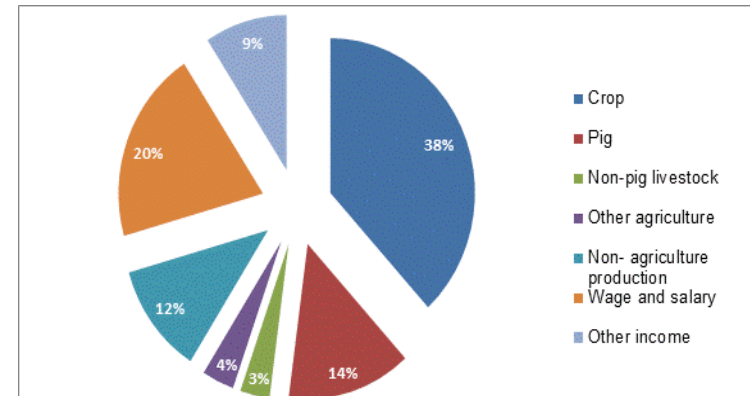
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê

Xã	Số đầu lợn	Xu thế trong quá khứ
Tân Mỹ	7467	Tăng
Phú Lương	2700	Tăng
Mường Cơi	5050	Tăng
Bắc Phong	1800	Tăng

Vai trò truyền thống của chăn nuôi lợn

- Vật nuôi – nguồn thực phẩm cho tiêu dùng hàng ngày
- Yêu cầu cho các sự kiện nghi lễ, lễ hội và cưới hỏi...
- Các sự kiện khác trong gia đình: ví dụ thịt cho đổi công
- Quà tặng < *lợn bản địa* >
- Nguồn phân bón cho trồng trọt, nuôi cá trong hệ thống VAC
- Tận dụng nguồn thức ăn dư thừa hoặc sử dụng các nông sản phẩm của do hộ sản xuất /các phụ phẩm <*đặc biệt khi giá thấp*>
- Tạo thu nhập: tiết kiệm và các nguồn vốn
- Việc làm
- Nguồn nhiên liệu sinh học cho nấu ăn

Tỷ lệ thu nhập từ chăn nuôi lợn trong tổng thu nhập của hộ



Source of data: ACIAR-ILRI-CAP pig competitiveness project survey in 2008.

Đóng góp của chăn nuôi lợn trong thu nhập nông hộ – nhận định từ nghiên cứu thực địa

Xã	Lợn ngoại	Lợn lai trắng	Lợn bản	Móng Cái
Tân Mỹ	(7%-40%)	30%	NA	NA
Phú Lương	10-60% và tăng với quy mô tăng		NA	NA
Mường Cơi	50-80%	30-50%	Không đáng kể	NA
Bắc Phong	NA	20 (For sale)	10-20% (chủ yếu cho dinh dưỡng – tiêu dùng của gia đình)	Chủ yếu nái

Nguồn: Nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn La, 2017

Lợn lai chiếm đa số ở tất cả các xã trừ xã vùng sâu xa

Xã	Ngoại c (%)	Lai (%)	Móng Cái (%)	Lợn bản (%)	Lợn Lòi (%)	Xu thế trong tương lai
Tân Mỹ	35	60	0	5	0	Không rõ
Phú Lương	20	80	0	1-2hhs	0	Không rõ
Mường Cơi	20	70	0	10	0	Lai ↓ Ngoại ↑
Bắc Phong	0	7	20	70	3	Bản & Lai: ↑ Móng Cái ↓

Nguồn: Nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn La, 2017



Các xã tiếp cận thị trường tốt hơn có đàn lợn lớn hơn

Xã	Ngoại	Lai	Móng Cái	Loạn Bản	Lòi
Tân Mỹ	Quy mô BQ: 10-20	Quy mô BQ: 40 10-50: 80% 50-100: 20%	NA	Quy mô BQ: 4-5	NA
Phú Lương	10-20	Quy mô: 5-10: 20% Quy mô: 10-30: 70% Quy mô: >30: 10%	NA	Quy mô BQ 7-8	NA
Mường Cơi	NA	Quy mô BQ 30	NA	Quy mô BQ 1-2	NA
Bắc Phong	NA	NA	Quy mô BQ 1-2	Quy mô BQ 5-10	Quy mô BQ >10

Nguồn: Nghiên cứu tại Hòa Bình và Sơn La, 2017

Hầu như không có trang trại quy mô vừa và lớn ở các điểm nghiên cứu

	Scavenging	Backyard Fattening	Small-scale	Medium-scale	Large-scale
Herd	1 sow + piglets + 1-2 fatteners	1 < > 10 fatteners	1 < > 10 sows > 10 fatteners	10 < > 500 sows + fatteners	> 500 sows + fatteners
Level of intensiveness	Scavenging	Semi-intensive	Semi-intensive	Intensive	Intensive
Location	Remote districts / communes especially in northern uplands, central highlands ...	Lowland and midland areas	Lowland and midland areas	Lowland areas	Lowland areas
Tân Mỹ	Có tồn tại, với tỷ lệ lợn bản <5%>	Có tồn tại	Có tồn tại	Rất ít	Không
Phú Lương	Có tồn tại, với tỷ lệ lợn bản <3%>	Có tồn tại	Có tồn tại	Rất ít	Không
Mường Cơi	Có tồn tại, với tỷ lệ lợn bản <10%>	Có tồn tại	Có tồn tại	Rất ít	Không
Bắc Phong	Lợn bản được nuôi phổ biến	Có tồn tại	Không phổ biến	Không	Không

Nguồn: Tổng quan tài liệu, nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn La, 2017

Tác động của ngô và lợn đến môi trường

- **Sản xuất ngô bị ảnh hưởng bởi chăn nuôi lợn**
 - Những hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ sử dụng ngô là nguồn thức ăn chính
 - Trồng thêm ngô vụ đông cho chăn nuôi (chăn nuôi lợn ở Phú Lương)
- **Những vấn đề về môi trường (sản xuất ngô):**
 - Xói mòn (các vùng đất ven, đất dốc + tập quán canh tác của nông dân (chuẩn bị đất + đốt nương làm rẫy)
 - Đất bị thoái hóa (sử dụng quá nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt chất diệt cỏ)
 - Ô nhiễm nguồn nước (rửa trôi phân bón và các chất hóa học khác)
- **Hệ thống sản xuất lợn và ngô có thể đóng góp làm giảm những vấn đề môi trường tốt hơn so với hai hệ thống sản xuất riêng biệt**
 - Sử dụng phân lợn cho sản xuất ngô (như thực tiễn ở đồng bằng)

Nhìn từ nghiên cứu thực địa:

- Những tác động tiêu cực về môi trường do chăn nuôi lợn gây ra khá thấp
- Phú Lương: chất thải lỏng được thải trực tiếp ra đường. Phân lợn không được sử dụng làm phân bón

Nguồn: Nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn

Thức ăn chăn nuôi lợn và nguồn thức ăn

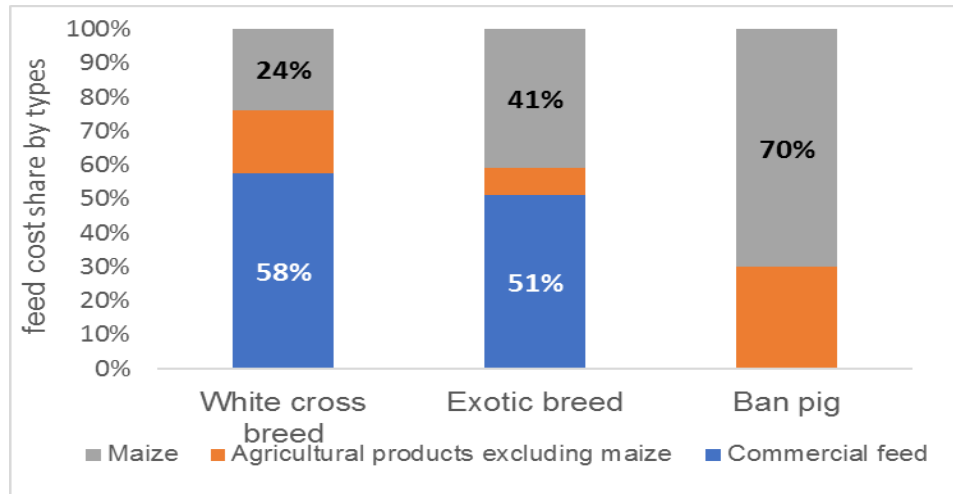
	Bản địa	Móng Cái	Lòì	Lai	Ngoại
Thành phần thức ăn	<ul style="list-style-type: none"> Sắn Cám gạo Ngô Lá ấuợng * Cây chuối Rau Thức ăn thừa 	<ul style="list-style-type: none"> Sắn Cám gạo Ngô Lá ấuợng * Cây chuối Rau 	<ul style="list-style-type: none"> Sắn Cám gạo Ngô Lá ấuợng * Cây chuối Rau Thức ăn thừa 	<ul style="list-style-type: none"> Cám gạo Ngô Thức ăn công nghiệp Lá ấuợng* Cây chuối Rau 	<ul style="list-style-type: none"> Cám gạo Ngô Thức ăn công nghiệp
Nguồn	Hộ tự sản xuất	Hộ tự sản xuất	Hộ tự sản xuất	Hộ tự sản xuất và mua	Hộ tự sản xuất và mua
Chuẩn bị	Hầu như cho ăn sống trực tiếp	Nấu/Cho ăn sống	Nấu/Cho ăn sống	Nấu/Cho ăn sống	Cho ăn sống

(* áp dụng cho riêng Bắc Phong)

Xu thế thức ăn chăn nuôi: xử dụng nhiều cám công nghiệp (quy mô, lạc, lao động)

Nguồn: Nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn La, 2017

Thức ăn chăn nuôi lợn và nguồn thức ăn



Xử dụng ngô phụ thuộc:

- Giá ngô so với giá cám công nghiệp
- Cạnh tranh về giá nông sản/thu nhập(sản) (nếu cạnh tranh với nông sản có lợi nhuận cao hơn)
- Giá lợn giảm

Xã	Chi phí thức ăn/tổng chi phí			Chi phí ngô/tổng chi phí		
	Giống lai trắng	Giống ngoại	Lợn bản	Giống lai trắng	Giống ngoại	Lợn bản
Tân Mỹ	75		89	20		65
Phú Lương	78			15		
Mường Cơi	80	83		20	41	
Bắc Phong	50		50	40		40

Người nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn

Xay xát chế biến ngô ở Tây Bắc Việt Nam

- **Trước khi diện tích ngô tăng đột biến ở Tây Bắc (2007):**
 - Các cơ sở chế biến ngô chủ yếu ở các vùng lân cận với vùng đồng bằng (Hòa Bình): bóc vỏ, tách hạt, sấy khô, cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy cám ở các tỉnh khác
 - Nông dân trồng ngô bán ngô (cả bắp) cho các lái buôn → các cơ sở xay xát; hoặc ngô hạt phơi khô cho thương lái
- **Các cơ sở xay xát chế biến ngô hiện nay ở Tây Bắc**
 - Thương lái + nhà máy chế biến cám tiến gần đến vùng Tây Bắc (VD Sơn La, Hòa Bình, Xuân mai)
 - Thương lái: trang bị máy móc (đơn giản) để bóc vỏ, tách hạt và phơi khô (*trở thành các cơ sở chế biến tại địa phương; (đầu tư toàn bộ)*) → bán sản phẩm sơ chế cho các công ty cám/và các thương lái khác.
 - Nông dân: tự phơi khô và bóc vỏ hoặc/và sử dụng các dịch vụ xay xát ngô ở địa phương để chế biến ngô cho chăn nuôi.
 - Tập trung nhiều hơn ở những vùng sản xuất ngô hàng hóa/có dư thừa (không thấy ở các xã nghiên cứu)

Kiến thức và hệ thống hỗ trợ về những yêu cầu và công thức pha trộn thức ăn

- Đa số nông dân có kiến thức và kinh nghiệm chăn nuôi lợn
- Tập huấn về chăn nuôi lợn ((thức ăn, quản lý dịch bệnh, chất thải...) – cán bộ thú y cơ sở + dự án+ công ty cám

Tùy theo quy mô chăn nuôi lợn ở huyện/tỉnh

- Yếu về năng lực quản lý dịch bệnh
- Công thức pha trộn thức ăn: kinh nghiệm + giá lợn + giá cám

Những cản trở đối với thức ăn và nguồn thức ăn chăn nuôi lợn

	Số lượng	Chất lượng	Giá	Khác
Tân Mỹ	không	Không chắc chắn về chất lượng thức ăn công nghiệp	Cao (cả cám công nghiệp + ngô) Không có khả năng mua ngô chịu	Lao động cho chuẩn bị thức ăn có sử dụng ngô
Phú Lương	Không	Không chắc chắn về chất lượng thức ăn công nghiệp	Cao (cả cám công nghiệp + ngô) Không có khả năng mua ngô chịu	Lao động cho chuẩn bị thức ăn có sử dụng ngô
Mường Cơi	Không	Không có ý kiến	Cao (cả cám công nghiệp + ngô)	
Bắc Phong	Không có nhà cung cấp thức ăn trong xã Lá rừng cho chăn nuôi đang cạn kiệt (lá Dướng)			Giá ngô hạt cao

Tất cả các xã: Chất lượng sản phẩm do hộ sản xuất bị hư hỏng , vd, ngô mốc và nhiều ngô đã xay bị hỏng)

Nguồn: Nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình và Sơn



Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

Xác định phương thức thay thế - tự sản xuất thức ăn

- Vai trò của tự sản xuất ngô trong các mô hình này so với ngô mua và thức ăn trộn cám công nghiệp là gì?
- Các thức ăn tự sản xuất nào có thể sử dụng cùng với ngô để làm thức ăn cho chăn nuôi lợn, e.g. ví dụ cây họ đậu, cỏ chăn nuôi
- Những vấn đề về chất lượng thức ăn ảnh hưởng đến chăn nuôi lợn sẽ được xem xét như thế nào (Ví dụ, chất aflatoxins trong ngô)
- Đây là những tiếp cận hứa hẹn nhất để sản xuất thức ăn cho lợn bền vững hơn về mặt môi trường?

Phương pháp

- Phân tích năng suất chăn nuôi lợn tại hộ
- Một số phân tích mô phỏng khác nhau về nông hộ, hiệu quả thị trường của các mô hình kinh doanh cải tiến, bao gồm cách thức cho ăn mới và sản xuất thức ăn tại hộ
- Cơ hội liên kết với dự án ngô do ACIAR tài trợ

Kết quả nghiên cứu mong đợi – về cầu đối với các loại giống khác nhau

Kết quả nghiên cứu mong đợi của bạn là gì?

- Những kết quả nghiên cứu tốt nhất về thức ăn được xác định về mặt năng suất và bền vững về mặt môi trường;
- Xác định được các mô hình sản xuất và kinh doanh cải thiện, phù hợp cho từng kiểu nông trại và vùng địa lý cụ thể, kết nối được 'kiểu hệ thống chăn nuôi lợn' với kiểu nông hộ và vùng địa lý.
- Ước lượng được các tác động về lợi nhuận của trang trại, bao hàm giới và thanh niên và môi trường

Acknowledgements

This work is financed by
ACIAR

It is implemented in a partnership with
MARD and its various research institutions and line
agencies in Vietnam

It contributes to the CGIAR Research Program on
Livestock

better lives through livestock

ilri.org

ILRI thanks all donors and organizations who globally supported its work through their contributions to the **CGIAR system**

Patron: Professor Peter C Doherty AC, FAA, FRS

Animal scientist, Nobel Prize Laureate for Physiology or Medicine—1996

Box 30709, Nairobi 00100 Kenya
Phone +254 20 422 3000
Fax +254 20 422 3001
Email ilri-kenya@cgiar.org

ilri.org
better lives through livestock
ILRI is a CGIAR research centre

Box 5689, Addis Ababa, Ethiopia
Phone +251 11 617 2000
Fax +251 11 667 6923
Email ilri-ethiopia@cgiar.org

ILRI has offices in East Africa • South Asia • Southeast and East Asia • Southern Africa • West Africa



This presentation is licensed for use under the Creative Commons Attribution 4.0 International Licence.